

Số: 85/2020/QĐST-HNGĐ

P, ngày 18 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1/ Anh **Lưu Đình Đ** (tên gọi khác: S), sinh năm 1972;

2/ Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1975;

Đều cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Lưu Thị Lan A**, sinh ngày 04/8/2008.

Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật cho cháu Lan A là anh Lưu Đình Đ, chị Nguyễn Thị S - bố mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đình Đ và chị Nguyễn Thị S trước khi kết hôn có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H vào ngày 27/8/1993 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị S là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, anh chị sống không hạnh phúc, do có nhiều mâu thuẫn phát sinh dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cả hai anh chị đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của anh Đ và chị S nên cần được chấp nhận.

[2]Về con chung: Anh Đ và chị S có với nhau 03 con chung là cháu Lưu Thị H, sinh ngày 30/7/1994; cháu Lưu Thị H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Lưu Thị Lan A, sinh ngày 04/8/2008. Anh Đ và chị S thỏa thuận thống nhất giao cháu Lưu Thị Lan A cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lan A tròn 18 tuổi. Anh Đ và chị S thỏa thuận thống nhất anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được ghi nhận.

Đối với cháu Lưu Thị H, Lưu Thị H đã trưởng thành, anh Đ và chị S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4]Về lệ phí: Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất anh Lưu Đình Đ tự nguyện nhận chịu cả lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của anh Đ và chị S nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đình Đ (S) và chị Nguyễn Thị S tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đ và chị S có 03 con chung là cháu Lưu Thị H, sinh ngày 30/7/1994; cháu Lưu Thị H, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Lưu Thị Lan A, sinh ngày 04/8/2008. Khi ly hôn anh Đ và chị S thỏa thuận thống nhất giao cháu Lưu Thị Lan A cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S.

Đối với cháu Lưu Thị H, Lưu Thị H đã trưởng thành, tự lập được, anh Đ và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cùng chị S, chị S và gia đình không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Hai bên đương sự thỏa thuận anh Lưu Đình Đ (S) tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003798 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã N (GCNKH số 17,
quyển số 1/1993)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q